TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh

Bà Nguyễn Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/20224/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hướng Xuân D, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:* Chị kết hôn với anh Hướng Xuân D vào ngày 04/4/2006. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ở tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh D và gia đình anh D ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng tính cách không hợp nhau, không có sự bàn bạc thống nhất trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng như tất cả các vấn đề trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau. Chị và anh D đã nhiều lần tự giàn xếp, hòa giải để chung sống hòa thuận với nhau nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn càng ngày trầm trọng hơn. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2013 và đến năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, không ở cùng anh D nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hướng Xuân D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là cháu Hướng Thị Thu T, sinh ngày 23/12/2006; cháu Hướng Xuân G, sinh ngày 09/3/2010 và cháu Hướng Thị Thu H, sinh ngày 03/10/2013. Nay ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hướng Thị Thu T và cháu Hướng Thị Thu H, đề nghị Tòa án giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hướng Xuân G.
Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay thu nhập của chị khoảng 7.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi dậy các con tốt.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh D không có gì, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Hướng Thị Thu H trình bày: Cháu là con của bố Hướng Xuân D và mẹ Trần Thị Q. Hiện nay cháu đang học lớp 5A, trường tiểu học xã L, huyện Y. Cháu biết hiện nay mẹ cháu đang khởi kiện xin ly hôn bố cháu. Nguyện vọng của cháu là nhờ Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về ở với nhau và nuôi dậy cháu trưởng thành. Trường hợp mẹ cháu vẫn kiên quyết xin được ly hôn bố cháu thì cháu đề nghị được ở với mẹ cháu, vì mẹ cháu yêu thương cháu và mẹ cháu có đủ điều kiện để chăm sóc cháu tốt hơn.

Cháu Hướng Thị Thu T trình bày: Cháu là con của bố Hướng Xuân D và mẹ Trần Thị Q, hiện nay cháu đã nghỉ học. Cháu biết hiện nay mẹ cháu đang khởi kiện xin ly hôn bố cháu. Nguyện vọng của cháu là nhờ Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về ở với nhau và nuôi dậy chúng cháu trưởng thành. Trường hợp mẹ cháu vẫn kiên quyết xin được ly hôn thì cháu đề nghị được ở với mẹ cháu, vì mẹ cháu yêu thương cháu và mẹ cháu có đủ điều kiện để chăm sóc cháu tốt hơn.

Cháu Hướng Xuân G trình bày: Cháu là con của bố Hướng Xuân D và mẹ Trần Thị Q. Hiện nay cháu đang học lớp 8A3, trường Trung học cơ sở thị trấn T. Cháu biết hiện nay mẹ cháu đang khởi kiện xin ly hôn bố cháu. Nguyện vọng của cháu là nhờ Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về ở với nhau và nuôi dậy chúng cháu trưởng thành. Trường hợp mẹ cháu vẫn kiên quyết xin ly hôn bố cháu thì

cháu đề nghị được ở với bố cháu, vì bố cháu rất yêu thương cháu và bố cháu có đủ điều kiện để chăm sóc cháu tốt hơn.

Đối với bị đơn anh Hướng Xuân D: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D, nhưng anh D không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh D vắng mặt không có lý do.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa, tại phiên tòa anh Hướng Xuân D vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của chị Q và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Anh D1 không thực hiện nghĩa vụ, bỏ mất quyền của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn anh Hướng Xuân D.

- Con chung: Giao cho chị Q nuôi con chung là cháu Hướng Thị Thu T, sinh ngày 23/12/2006 và cháu Hướng Thị Thu H, sinh ngày 03/10/2013; giao cho anh Hướng Xuân D nuôi cháu Hướng Xuân G, sinh ngày 09/3/2010. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Trần Thị Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Hướng Xuân D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Q là nguyên đơn có đơn xin ly hôn Hướng Xuân D, anh D có nơi cư trú tại tổ dân phố L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Hướng Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Q về chung sống cùng anh D và gia đình anh D ngay. Đến năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống cũng như bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau. Chị Q và anh D đã nhiều lần tự giàn xếp, hòa giải để chung sống hòa thuận với nhau nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn càng ngày trầm trọng hơn. Chị Q và anh D đã sống ly thân từ năm 2013 và đến năm 2018 chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sống, không sống cùng anh D nữa. Nay, chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hướng Xuân D.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy: Chị Q và anh D kết hôn năm 2006. Sau khi kết hôn chị Q về nhà anh D làm dâu và sinh sống cùng gia đình anh D ngay. Ban đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống cũng như bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và ly thân anh D từ năm 2018 cho đến nay. Nay, chị Q xin ly hôn anh D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh D vẫn cư trú ở tổ dân phố L, thị trấn T cùng bố mẹ đẻ anh D. Anh Dũng đi làm lăn sơn nhà cho các công trình, thi thoảng mới có nhà, hôm nào ở nhà thì anh cũng đi làm từ sáng sớm đến đêm muộn mới về đến nhà.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Hướng Xuân C là bố đẻ của anh Hướng Xuân D. Ông C cho biết: Anh D1 là con trai ông và chị Q là con dâu ông. Ban đầu vợ chồng anh D1 chị Q chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì ông không rõ, chỉ biết vợ chồng anh D1 chị Q hay cãi chửi nhau và chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018, sau đó ông có nghe nói chị Q có đi nước ngoài một thời gian và đã về nước từ năm 2023, tuy nhiên khi về nước thì chị Q cũng không về chung sống với anh D1 nữa. Nay, chị Q cương quyết xin ly hôn anh D1, ông đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị Q . Hiện nay anh D1 đi làm S ở các công trình, thi thoảng mới về, có hôm ở nhà thì sáng anh đi sớm, đêm muộn mới về đến nhà. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh D1 ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo, quyết định của Tòa án và đã giao lại cho anh D1, anh D1 đã nhận được, ngoài ra Tòa án còn niêm yết các văn bản anh D1 cũng đã biết.Tuy nhiên, anh D1 có nói là vì công việc bận nên không đến Tòa án để giải quyết ly hôn được, Tòa án cứ giải quyết theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị Q và anh D1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Q được ly hôn với anh D1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Q anh D1 có 03 con chung là cháu Hướng Thị Thu T, sinh ngày 23/12/2006; cháu Hướng Xuân G, sinh ngày 09/3/2010 và cháu Hướng Thị Thu H, sinh ngày 03/10/2013. Nay ly hôn, chị Q đề nghị được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hướng Thị Thu T và cháu Hướng Thị Thu H, đề nghị Tòa án giao cho anh D1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hướng Xuân G.

Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu T cháu H là con gái, đang ở cùng chị Q, để các cháu phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tâm sinh lý thì cần có sự

quan tâm, bao bọc của người mẹ. Còn đối với cháu G là con trai, hiện đang học tại Trường Trung học cơ sở T, trường của cháu G theo học là nơi anh D1 sinh sống. Do vậy, để ổn định cuộc sống của các cháu cùng với môi trường học tập không bị xáo trộn, phù hợp với nguyện vọng của cháu T cháu H, cháu G và phù hợp với hoàn cảnh khách quan, điều kiện của hai bên thì HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung là cháu Hướng Thị Thu T và cháu Hướng Thị Thu H cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Hướng Xuân G cho anh D1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn chị Q, anh D1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Q không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn anh Hướng Xuân D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hướng Thị Thu T, sinh ngày 23/12/2006 và cháu cháu Hướng Thị Thu H, sinh ngày 03/10/2013; giao cho anh Hướng Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hướng Xuân G, sinh ngày 09/3/2010.

Chị Q, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000479 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5.Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh